

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀ BÌNH  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-02-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
Chia tài sản chung, nợ chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Ông Nguyễn Văn Miên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thục Trinh- kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Long T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Công C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Long T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

3.2. Chị Trần Thị B, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.3. Ông Phan Thành L, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 08 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Kiều T trình bày:* Chị và anh Huỳnh Công C xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống, chị và anh C có 02 đứa con chung tên: Huỳnh Khải Đ, sinh năm 2007, Huỳnh Khải L, sinh ngày 01/12/2009. Hiện cả hai cháu Đ, L đang sống cùng với anh C.

Chị và anh C có tạo lập tài sản chung gồm 01 căn nhà cấp 4 vách thiếc, lợp tole, nền đất tọa lạc tại ấp R, xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và một số vật dụng trong gia đình gồm 01 bộ ván gỗ tổng trị giá tài sản chung khoảng 40.000.000 đ.

Về nợ chung gồm có: nợ chị Trần Thị B số tiền hụi là 57.000.000 đ (Năm mươi bảy triệu đồng), nợ ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền 2.000.000 đ và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999), nợ ông Phan Thành L tiền mua tư nông nghiệp và phân, thuốc trừ sâu số tiền là 56.276.000 đ.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh C là do anh C thường xuyên đánh đập chị, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng, cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, hai vợ chồng chị đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị thấy anh C không sửa chữa nên không thể hàn gắn được và chị không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh C.

Nay, chị Trần Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Công C; Về con chung: Theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh C đã thống nhất thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung gồm có nợ chị Trần Thị B số tiền hụi là 57.000.000 đ (Năm mươi bảy triệu đồng), nợ ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền 2.000.000 đ và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999), nợ ông Phan Thành L tiền mua tư nông nghiệp và phân, thuốc trừ sâu số tiền là 56.276.000 đ: chị yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm trả nợ với chị. Ngoài ra, chị T không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn - anh Huỳnh Công C không có lời trình bày tại Tòa án, đồng thời, anh C cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Trần Thị Kiều T theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng qui định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh C nhưng anh C không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- chị Trần Thị B trình bày:* Chị T và anh C có tham gia chơi hụi do chị B làm chủ, cụ thể như sau:

- Ngày 20/12/2017, chị T, anh C tham gia chơi 01 chung hụi 1.000.000 đ gồm 27 hụi viên, mỗi tháng khui một lần, đến vụ lúa chín thì tháng khui hai lần, chị T, anh C chơi hụi đến kỳ thứ 6 thì chị T, anh C hốt hụi được số tiền 20.500.000 đ. Sau khi hốt hụi xong, chị T, anh C đóng được 08 kỳ còn nợ lại 12 kỳ với số tiền 12.000.000 đ.

- Ngày 15/10/2017, chị T, anh C tham gia chơi 01 chung hụi 3.000.000 đ gồm 15 hụi viên, 04 tháng khui một lần, chị T, anh C chơi hụi đến kỳ thứ 2 thì chị T, anh C hốt hụi được số tiền 22.950.000 đ. Sau khi hốt hụi xong, chị T, anh C đóng được 06 kỳ còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 21.000.000 đ.

- Ngày 01/12/2016, chị T, anh C tham gia chơi 01 chung hụi 2.000.000 đ gồm 17 hụi viên, 04 tháng khui một lần, chị T, anh C chơi hụi đến kỳ thứ 5 thì chị T, anh C hốt hụi được số tiền 20.440.000 đ. Sau khi hốt hụi xong, chị T, anh C đóng được 10 kỳ còn nợ lại 01 kỳ với số tiền 2.000.000 đ.

- Dây hụi 1.000.000 đ (không nhớ ngày tháng khui hụi): Chị T, anh C tham gia chơi 01 chung hụi 1.000.000 đ gồm 32 hụi viên, hàng tháng khui một lần, đến vụ lúa chín thì tháng khui hai lần, chị T, anh C hốt hụi được số tiền 20.500.000 đ. Sau khi hốt hụi xong, chị T, anh C còn nợ lại 12 kỳ với số tiền 12.000.000 đ.

- Ngày 20/11/2018, chị T, anh C tham gia chơi hụi. Sau khi hốt hụi xong, chị T, anh C còn nợ lại số tiền 10.000.000 đ.

Việc tham gia chơi hụi giữa hai bên có làm giấy hụi, mỗi bên giữ một bản, ngoài ra, mỗi lần hốt hụi chết chị B đều có giao giấy hụi cho chị T giữ.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 chị Trần Thị B yêu cầu chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C trả cho chị số tiền hụi là 57.000.000 đ (Năm mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất, kể cả không yêu cầu trả lãi chậm trả trong gia đoạn thi hành án. Tuy nhiên, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 08/01/2021, chị B chỉ yêu cầu chị T và anh C trả số tiền hụi là 36.000.000 đ (Ba mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất, kể cả không yêu cầu trả lãi chậm trả trong gia đoạn thi hành án, còn số tiền nợ hụi của dây hụi khui ngày 15/10/2017 mà chị T và anh C thiếu chị là 21.000.000 đ chị B xin rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị B không còn ý kiến trình bày gì thêm.

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ trình bày:* Vào khoảng năm 2016 (không nhớ ngày tháng cụ thể), ông L và bà Đ có cho vợ chồng chị T, anh C mượn nhiều lần tổng cộng là mượn số tiền 2.000.000 đ (hai triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999) để chi xài cá nhân trong gia đình và làm chi phí cho vợ chồng chị T, anh C đi làm thuê trên Sài Gòn vào năm 2016. Việc mượn tiền, vàng trên giữa hai bên không có làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến, chỉ có ông L, bà Đ, chị T, anh C biết. Từ khi mượn tiền, vàng trên đến nay chị T và anh C chưa trả cho ông L, bà Đ được khoản nào. Nay, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ yêu cầu chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C trả cho ông, bà số tiền 2.000.000 đ (hai triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999), không yêu cầu tính lãi suất, kể cả không

yêu cầu trả lãi chậm trả trong gia đoạn thi hành án. Ngoài ra, ông L và bà Đ không còn ý kiến trình bày gì thêm

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Phan Thành L trình bày:* Vào năm 2016, không nhớ ngày tháng cụ thể, chị T và anh C có mua vật tư nông nghiệp và phân, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất nông nghiệp nhiều lần của ông, hiện chị T và anh C còn thiếu ông L số tiền tổng cộng là 56.276.000 đ. Việc mua bán giữa hai bên có làm sổ mua bán. Từ khi thiếu tiền đến nay, chị T và anh C chưa trả cho ông L được khoản nào. Nay, ông Phan Thành L yêu cầu chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C trả cho ông số tiền 56.276.000 đ, không yêu cầu tính lãi suất, kể cả không yêu cầu trả lãi chậm trả trong gia đoạn thi hành án.

### **Ý kiến của Viện kiểm sát:**

\* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27, 37, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kiều T

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Huỳnh Khải Đ, sinh năm 2007, Huỳnh Khải L, sinh ngày 01/12/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu. Chị T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T do đã thỏa thuận xong.

4. Nợ chung: Buộc chị T và anh C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị B số tiền 36.000.000 đ, trả cho ông Phan Thành L số tiền 56.276.000 đ, trả cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền 2.000.000 đ và 01 chỉ vàng 24k. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị B đối với chị T và anh C đòi số tiền nợ hui là 21.000.000 đ của dây hui khai ngày 15/10/2017.

5. Án phí Chị Trần Thị Kiều T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị T, anh C phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Trần Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung với anh Huỳnh Công C nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Huỳnh Công C có

đăng ký thường trú tại ấp Cá rô, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kiều T, chị Trần Thị B, ông Trần Văn L, bà Nguyễn Kim Đ, ông Phan Thành L có đơn xin vắng mặt, anh Huỳnh Công C vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh C để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh C theo quy định, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh C, chị B, ông L, bà Đ và ông L.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh C xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân xã Minh D cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/2008. Vì thế, hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T cho rằng trong quá trình chung sống với anh C do anh C thường xuyên đánh đập chị, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng, cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh C không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018. Từ khi sống ly thân đến nay, chị T và anh C cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình xét xử vụ án, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Trần Thị Kiều T đối với anh Huỳnh Công C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh C có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Khải Đ, sinh năm 2007, Huỳnh Khải L, sinh ngày 01/12/2009. Hiện cả hai cháu Đ, L đang sống cùng với anh C. Khi ly hôn thì chị T có yêu cầu là tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt và không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“ 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì*

*Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.*

Xét thấy, hiện cả hai cháu Đ, L đang sống ổn định cùng với anh C, đồng thời, tại thời điểm giải quyết hai cháu Đ, L đều đủ 07 tuổi trở lên nên cần phải xem xét nguyện vọng của các cháu để giao các cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu Đ và cháu L (BL94-95), cháu Đ và cháu L đều có nguyện vọng được sống cùng với anh C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Đ và cháu L, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu Đ và cháu L nên cần tiếp tục giao cháu L và cháu Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh C vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống với anh C thì chị T và anh C có tạo lập tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 vách thiếc, lợp tol, nền đất tọa lạc tại ấp R, xã Minh D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và một số vật dụng trong gia đình gồm 01 bộ ván gỗ tổng trị giá tài sản chung khoảng 40.000.000 đ. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020, chị T có yêu cầu chia tài sản chung với anh C. Tuy nhiên, sau đó vào ngày 11/11/2020, chị T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung với anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung do chị và anh C đã thống nhất thỏa thuận xong. Xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị T hoàn toàn là ý chí tự nguyện của chị T, không bị ai ép buộc nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị T đối với anh C.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị B yêu cầu chị T, anh C trả số tiền nợ hụi là 36.000.000, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ yêu cầu trả số tiền 2.000.000 đ và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999) ông Phan Thành L yêu cầu trả số tiền 56.276.000 đ. Tại phiên tòa, anh Huỳnh Công C vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị B, ông L, bà Đ và ông L. Trong khi đó, chị Trần Thị Kiều T thống nhất thừa nhận số nợ trên của chị B, ông L, bà Đ và ông L. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, các khoản nợ của chị T và anh C đối với chị B, ông L, bà Đ và ông L đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh C nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, chị B, ông L, bà Đ và ông L đều có yêu cầu chị T, anh C cùng có trách nhiệm trả nợ, đồng thời, chị T cũng yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm trả nợ với chị, nên căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần buộc anh C có nghĩa vụ liên đới cùng chị

T có trách nhiệm trả nợ cho chị Trần Thị B số tiền 36.000.000 đ (Ba mươi sáu triệu đồng), ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền 2.000.000 đ (hai triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999), ông Phan Thành L số tiền 56.276.000 đ (năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Chị Bích, ông Lành, bà Đồng và ông Lâm đều không yêu cầu chị T, anh C trả lãi suất, kể cả không yêu cầu trả lãi chậm trả trong gia đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với việc chị Trần Thị B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị T và anh C trả số tiền 21.000.000 đ của dây hui khui ngày 15/10/2017. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của chị Bích là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bích đối với chị T và anh C về việc đòi số tiền nợ hui là 21.000.000 đ của dây hui khui ngày 15/10/2017.

[7] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Trần Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999) có giá là: 5.460.000 đồng.

Chị Trần Thị Kiều T phải nộp 2.493.000 đồng, anh Huỳnh Công C phải nộp 2.493.000 đồng.

Chị Trần Thị B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010292 ngày 26 tháng 10 năm 2020 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010290 ngày 26 tháng 10 năm 2020 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Phan Thành L là người cao tuổi, ông L có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án. Hơn nữa, yêu cầu của ông L đã được chấp nhận toàn bộ nên ông L không phải nộp án phí.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kiều T đối với anh Huỳnh Công C

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung là cháu Huỳnh Khải Đ, sinh năm 2007, Huỳnh Khải L, sinh ngày 01/12/2009 cho anh Huỳnh Công C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Kiều T đối với anh Huỳnh Công C.

**4. Về nợ chung:**

*4.1. - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B đối với chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C đòi số tiền nợ hui là 36.000.000 đ (Ba mươi sáu triệu đồng).*

Buộc chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị B số tiền nợ hui là 36.000.000 đ (Ba mươi sáu triệu đồng), trong đó:

+ Buộc chị Trần Thị Kiều T trả cho chị Trần Thị B số tiền nợ hui là 18.000.000 đ (Mười tám triệu đồng)

+ Buộc anh Huỳnh Công C trả cho chị Trần Thị B số tiền nợ hui là 18.000.000 đ (Mười tám triệu đồng).

*- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị B đối với chị T và anh C đòi số tiền nợ hui là 21.000.000 đ của dây hui khai ngày 15/10/2017.*

*4.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ đối với chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C đòi số tiền là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999).*

Buộc chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24k (vàng 9999), trong đó:

+ Buộc chị Trần Thị Kiều T trả cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền là 1.000.000 đ (Một triệu đồng) và 0,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999)

+ Buộc anh Huỳnh Công C trả cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ số tiền là 1.000.000 đ (Một triệu đồng) và 0,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999)

*4.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thành L đối với chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C đòi số tiền là 56.276.000 đ (năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).*

Buộc chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Công C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Thành L số tiền là 56.276.000 đ (năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

+ Buộc chị Trần Thị Kiều T trả cho ông Phan Thành L số tiền 28.138.000 đ (Hai mươi tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng)

+ Buộc anh Huỳnh Công C trả cho ông Phan Thành L số tiền là 28.138.000 đ (Hai mươi tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng)



## **5. Về án phí:**

### **5.1. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình:**

Chị Trần Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010219 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, chị T được nhận lại 1.000.000 đ (*Một triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

### **5.2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Chị Trần Thị Kiều T phải nộp 2.493.000 đồng, anh Huỳnh Công C phải nộp 2.493.000 đồng.

Chị Trần Thị B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.425.000 đồng (*Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010292 ngày 26 tháng 10 năm 2020 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim Đ đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010290 ngày 26 tháng 10 năm 2020 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

**6.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã Minh Diệu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**Phan Thị Mỹ Xuyên**

